

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
XÃ CẨM GIÀNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **14** /NQ-HĐND

Cẩm Giàng, ngày 06 tháng 8 năm 2025

**NGHỊ QUYẾT**

**Điều chỉnh, phân bổ vốn đầu tư công ngân sách xã 05 năm  
giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch năm 2025 xã Cẩm Giàng**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ CẨM GIÀNG  
KHÓA I, KỲ HỌP THỨ 02**

*Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải Quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25/6/2025;*

*Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Nghị định 125/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính;*

*Căn cứ Nghị quyết số 1669/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của thành phố Hải Phòng năm 2025;*

*Căn cứ nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 25 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hải Phòng về kế hoạch đầu tư công năm 2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 26 tháng 6 năm 2025 của HĐND tỉnh Hải Dương về điều chỉnh, phân bổ kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách địa phương 5 năm 2021-2025 và kế hoạch năm 2025;*

*Xét Tờ trình số 06/TTr-UBND ngày 30 tháng 7 năm 2025 của UBND xã Cẩm Giàng về việc đề nghị điều chỉnh, phân bổ vốn đầu tư công ngân sách địa phương 5 năm giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch năm 2025 xã Cẩm Giàng; Báo cáo*



thẩm tra của Ban Kinh tế - ngân sách HĐND xã và ý kiến thảo luận của các Đại biểu HĐND xã tại kỳ họp.

### **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Tiếp nhận điều chỉnh kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025, kế hoạch đầu tư công năm 2025 của 03 xã Lương Điền, Ngọc Liên, Cẩm Hưng (cũ) vào kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, kế hoạch đầu tư công hàng năm của xã Cẩm Giàng khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

#### **1. Tiếp nhận, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025**

Tổng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 của 03 xã cũ tiếp nhận và điều chỉnh về xã mới là 120.903.900.000 đồng, cụ thể:

1.1. Phân loại theo nguồn vốn như sau:

- Vốn ngân sách cấp trên hỗ trợ: 55.199.400.000 đồng.
- Vốn thu tiền sử dụng đất điều tiết về ngân sách cấp xã: 65.704.500.000 đồng.

1.2. Phân loại theo nhiệm vụ chi:

- Vốn bố trí cho các dự án đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2020: 35.456.200.000 đồng.
- Vốn bố trí cho các dự án đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021 – 2025: 85.447.700.000 đồng.

*(Chi tiết tại biểu 01)*

#### **2. Tiếp nhận, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2025**

Tổng kế hoạch đầu tư công năm 2025 của 03 xã tiếp nhận và điều chỉnh về xã mới 35.747.100.000 đồng. Gồm các nguồn vốn như sau:

- Vốn thu tiền sử dụng đất điều tiết về ngân sách cấp xã 10.350.000.000 đồng
- Vốn ngân sách cấp trên hỗ trợ: 21.397.100.000 đồng.
- Vốn khác: 4.000.000.000 đồng

*(Chi tiết tại biểu 02)*

**Điều 2.** Giao Ủy ban nhân dân xã tổ chức thực hiện Nghị quyết. Định kỳ báo cáo Hội đồng nhân dân xã.

Tập trung chỉ đạo triển khai đẩy nhanh tiến độ thực hiện đầu tư dự án, giải ngân vốn đầu tư công năm 2025.

**Điều 3.** Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các đại biểu Hội đồng nhân dân xã giám sát việc tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã Cẩm Giàng khóa I, Kỳ họp thứ 02 thông qua ngày 06/8/2025./.

**Nơi nhận :**

- Thường trực HĐND thành phố (b/c);
- UBND thành phố (b/c);
- Sở Tài chính (b/c);
- TTĐU, TTHĐND, UBND xã;
- Ủy ban MTTQ xã;
- Đại biểu HĐND xã;
- Các phòng, ban, ngành, đoàn thể xã;
- Cổng thông tin điện tử xã (đăng tải);
- Lưu: VT, UBND xã.

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Công**



100

100

100

100



**BIỂU 2: TONG HOP PHAN BO KE HOACH VON DAU TU NGAN SACH XA NAM 2025**  
*Kèm theo Nghị quyết số 19/NQ-HĐND, ngày 06/8/2025 của Hội đồng nhân dân xã Cam Giang*

| ST T              | Tên Dự án                                                                                               | Số, ngày tháng                         | Quyết định đầu tư | Số, ngày tháng | Mẫu từ    | Người đã phân bổ đến hết năm 2024 | Phân bổ vốn NSDP năm 2025 |                      |                      |                    |             |                                           |                   |                                          |                      |                    | Số KH vốn 2025 chưa thực hiện | Chú chú |            |
|-------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|-------------------|----------------|-----------|-----------------------------------|---------------------------|----------------------|----------------------|--------------------|-------------|-------------------------------------------|-------------------|------------------------------------------|----------------------|--------------------|-------------------------------|---------|------------|
|                   |                                                                                                         |                                        |                   |                |           |                                   | Tổng số                   | Phân chia theo nguồn |                      |                    |             | KQ vốn đã PB và giải ngân đến hết T6/2025 | Tăng (+) giảm (-) | Phân bổ vốn NSDP năm 2025 sau điều chỉnh |                      |                    |                               |         |            |
|                   |                                                                                                         |                                        |                   |                |           |                                   |                           | Tăng số              | Phân chia theo nguồn |                    |             |                                           |                   | Tổng số                                  | Phân chia theo nguồn |                    |                               |         |            |
|                   |                                                                                                         |                                        |                   |                |           |                                   |                           |                      | Ngân sách xã         | NS cấp trên hỗ trợ | Nguồn khác  |                                           |                   |                                          | Ngân sách xã         | NS cấp trên hỗ trợ |                               |         | Nguồn khác |
| 1                 | 2                                                                                                       | 3                                      | 4                 | 5              | 6=7+8+9   | 7                                 | 8                         | 9                    | 10                   | 11                 | 12=13+14+15 | 13                                        | 14                | 15                                       | 17                   | 18                 |                               |         |            |
| TỔNG CỘNG         |                                                                                                         |                                        |                   |                |           |                                   | 153,532.4                 | 111,929.1            | 35,006.0             | 10,350.0           | 20,656.0    | 4,000.0                                   | 27,163.5          | #VALUE!                                  | 35,471.1             | 10,350.0           | 21,397.1                      | 4,000.0 | 851        |
| VỐN NSDP NĂM 2025 |                                                                                                         |                                        |                   |                |           |                                   | 148,033.5                 | 107,778.4            | 26,156.0             | 1,500.0            | 20,656.0    | 4,000.0                                   | 27,163.5          | 1,939.9                                  | 28,095.9             | 2,698.8            | 21,397.1                      | 4,000.0 | 851        |
| I                 | ĐA DÃ HOÀN THÀNH BÀN GIAO ĐƯA VÀO SD                                                                    |                                        |                   | 137,195.6      | 102,030.2 | 23,457.6                          | 1,214.1                   | 18,243.5             | 4,000.0              | 24,751.0           | 1,387.7     | 24,845.3                                  | 1,860.7           | 18,984.6                                 | 4,000.0              |                    |                               |         | 851        |
| 1                 | Đường nối đồng xã Lương Diên                                                                            | Số 232a, 06/12/2022                    | 810               | 516            | 221.522   |                                   | 221.522                   |                      |                      | 221.522            |             |                                           |                   | 221.522                                  |                      |                    |                               |         | -          |
| 2                 | Cải tạo, sửa chữa đường giao thông nông thôn xã Lương Diên (đoạn từ thôn Đồng Khê đến thôn Bái Dương)   | Số 321, 28/10/2021                     | 860               | 786            | 52.141    |                                   | 52.141                    |                      |                      | 52.141             |             |                                           |                   | 52.141                                   |                      |                    |                               |         | -          |
| 3                 | Nâng cấp đường giao thông nông thôn xã đoàn từ thôn Đồng Khê đi khu dân cư mới Cẩm Diên - Lương Diên.   | số 320, 28/10/2021                     | 5,661             | 4,746          | 524.210   |                                   | 524.210                   |                      |                      | 524.210            |             |                                           |                   | 524.210                                  |                      |                    |                               |         | -          |
| 4                 | Các hạng mục phụ trợ Trường mầm non xã Lương Diên (Khu số 1)                                            | số 338a- 16/11/2021 số 348 - 6/12/2021 | 551               | 511            | 25.788    |                                   | 25.788                    |                      |                      | 25.788             |             |                                           |                   | 25.788                                   |                      |                    |                               |         | -          |
| 5                 | Nâng tầng 3 nhà làm việc Đảng ủy - HĐND - UBND xã Lương Diên                                            | số 37, 29/4/2022                       | 3,560             | 2,773          | 498.251   |                                   | 441.251                   | 57.000               | 498.251              |                    |             |                                           |                   | 441.251                                  | 57.000               |                    |                               |         | -          |
| 6                 | Cải tạo đường giao thông xã từ thôn Bối Tương đi Mậu An, xã Lương Diên                                  | số 111a, 24/6/2022                     | 997               | 830            | 134.401   |                                   | 79.401                    | 55.000               | 134.401              |                    |             |                                           |                   | 79.401                                   | 55.000               |                    |                               |         | -          |
| 7                 | Cải tạo đường giao thông từ Trại bom Lương Xá đến cầu Xi phòng Đồng Khê xã Lương Diên                   | số 234, 07/12/2022                     | 994               | 480            | 452.966   |                                   | 218.247                   | 234.719              | 452.966              |                    |             |                                           |                   | 218.247                                  | 234.719              |                    |                               |         | -          |
| 8                 | Nhà Đa năng trường tiểu học Lương Diên                                                                  | số 128, 21/7/2022                      | 6,144             | 4,200          | 1,475.404 |                                   | 1,179.404                 | 296.000              | 1,475.404            |                    |             |                                           |                   | 1,179.404                                | 296.000              |                    |                               |         | -          |
| 9                 | Nhà hiệu bộ và các phòng chức năng 3 tầng trường tiểu học Lương Diên                                    | số 63a-24/3/2021, số 343- 25/11/2021   | 8,992             | 7,009          | 1,438.153 |                                   | 1,164.153                 | 274.000              | 1,438.153            |                    |             |                                           |                   | 1,164.153                                | 274.000              |                    |                               |         | -          |
| 10                | Cải tạo mái nhà lớp học 2 tầng 8 phòng Trường tiểu học Lương Diên                                       | số 146, 16/8/2022                      | 225               | 180            | 37.742    |                                   | 37.742                    |                      | 37.742               |                    |             |                                           |                   | 37.742                                   |                      |                    |                               |         | -          |
| 11                | Xây dựng tường rào Trường tiểu học Lương Diên                                                           | số 128, 06/7/2021                      | 939               | 788            | 83.281    |                                   | -                         | 83.281               | 83.281               |                    |             |                                           |                   | -                                        | 83.281               |                    |                               |         | -          |
| 12                | Trường mầm non trung tâm xã GD1: GPVB, san lấp, tường kè, xây dựng nhà lớp học 2 tầng 4 phòng           | 25/QĐ-UBND ngày 09/02/2018             | 17,086.0          | 13,814.2       | 60.9      |                                   | 60.9                      |                      | 60.9                 |                    |             |                                           |                   | 60.9                                     | 60.8960              |                    |                               |         | -          |
| 13                | Nhà lớp học 3 tầng 9 phòng và các hạng mục phụ trợ trường mầm non trung tâm xã Ngọc Liên                | 54a/QĐ-UBND ngày 08/03/2021            | 12,481.0          | 9,265.3        | 2,180.8   |                                   | 1,071.6                   | 1,109.1              | 2,180.8              |                    |             |                                           |                   | 1,071.6                                  | 1,109.1              |                    |                               |         | -          |
| 14                | Nâng tầng 2 nhà lớp học trường tiểu học Ngọc Liên                                                       | 4285/QĐ-UBND ngày 26/10/2015           | 2,461.0           | 2,441.9        | 16.0      |                                   | 16.0                      |                      | 16.0                 |                    |             |                                           |                   | 16.0                                     | 16.000               |                    |                               |         | -          |
| 15                | Trường Mầm non trung tâm xã GD 3: xây dựng nhà lớp học 2 tầng 4 phòng và nhà hiệu bộ 2 tầng móng 3 tầng | 112a/QĐ-UBND ngày 26/10/2018           | 8,551.0           | 8,482.4        | 68.3      |                                   | -                         | 68.3                 | 68.3                 |                    |             |                                           |                   | -                                        | 68.3                 |                    |                               |         | -          |
| 16                | Hạng mục phụ trợ trường mầm non trung tâm xã Ngọc Liên                                                  | 33/QĐ-UBND ngày 08/07/2019             | 2,895.0           | 2,849.6        | 45.0      |                                   | -                         | 45.0                 | 45.0                 |                    |             |                                           |                   | -                                        | 45.0                 |                    |                               |         | -          |





| ST T | Tên Dự án                                                                                                                                           | Quyết định đầu tư            |                 | Nguồn đã phân bổ đến hết năm 2024 | Phân bổ vốn NSDP năm 2025 |                      |                    |            |         | KQ Vốn đã PB và giải ngân đến hết T6/2025 | Tăng (+) giảm (-) | Phân bổ vốn NSDP năm 2025 sau điều chỉnh |                    |            |        |                   | Số KH vốn 2025 chưa thực hiện | Ghi chú |
|------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|-----------------|-----------------------------------|---------------------------|----------------------|--------------------|------------|---------|-------------------------------------------|-------------------|------------------------------------------|--------------------|------------|--------|-------------------|-------------------------------|---------|
|      |                                                                                                                                                     | Số, ngày tháng               | Tổng mức đầu tư |                                   | Tăng số                   | Phân chia theo nguồn |                    |            | Tăng số |                                           |                   | Phân chia theo nguồn                     |                    |            |        |                   |                               |         |
|      |                                                                                                                                                     |                              |                 |                                   |                           | Ngân sách xã         | NS cấp trên hỗ trợ | Nguồn khác |         |                                           |                   | Ngân sách xã                             | NS cấp trên hỗ trợ | Nguồn khác |        |                   |                               |         |
| 17   | Sân đường nội bộ, nhà để xe trường mầm non trung tâm xã Ngọc Liên                                                                                   | 39b/QĐ-UBND ngày 30/06/2020  | 690.0           | 550.0                             | 106.3                     |                      | 106.3              |            | 106.3   | 106.267                                   |                   | 106.3                                    |                    |            | -      |                   |                               |         |
| 18   | Cải tạo và nâng cấp sân chơi, sân tập, hệ thống thoát nước trường THCS Ngọc Liên                                                                    | 77a/QĐ-UBND ngày 27/10/2017  | 994.0           | 500.0                             | 425.4                     |                      | 425.4              |            | 407.0   | 425.414                                   |                   | 425.4                                    |                    |            | 18.414 |                   |                               |         |
| 19   | Cải tạo sân đường trường tiểu học Ngọc Liên                                                                                                         | 10b/QĐ-UBND ngày 10/02/2021  | 744.9           | 578.0                             | 100.9                     |                      | 100.9              |            | 100.9   | 100.941                                   |                   | 100.9                                    |                    |            | -      |                   |                               |         |
| 20   | Cải tạo sân vận động trung tâm xã Ngọc Liên                                                                                                         | 453a/QĐ-UBND ngày 16/11/2022 | 996.7           | 900.0                             | 48.8                      |                      | 48.8               |            | 48.8    | 48.830                                    |                   | 48.8                                     |                    |            | -      |                   |                               |         |
| 21   | Cải tạo, sửa chữa trạm y tế xã Ngọc Liên                                                                                                            | 220/QĐ-UBND ngày 30/10/2023  | 3,470.8         | 2,500.0                           | 725.0                     |                      | 725.0              |            | 633.7   | 724.974                                   |                   | 725.0                                    |                    |            | 91.274 |                   |                               |         |
| 22   | Đường giao thông giúp ao Đông Môn thôn Bình Phúen, xã Ngọc Liên                                                                                     | 145/QĐ-UBND ngày 08/08/2023  | 735.8           | 500.0                             | 222.1                     |                      | 222.1              |            | 222.1   | 222.088                                   |                   | 222.1                                    |                    |            | -      |                   |                               |         |
| 23   | Cải tạo, nâng cấp nghĩa trang liệt sỹ xã Ngọc Liên                                                                                                  | 42/QĐ-UBND ngày 15/07/2024   | 4,999.0         | 1,000.0                           | 3,714.5                   |                      | 1,937.0            | 1,777.6    | 3,714.5 | 226.8                                     | 3,941.318         | 226.8                                    | 1,937.0            | 1,777.6    |        | Chưa phê duyệt QT |                               |         |
| 24   | Hòn non bộ Tru sở làm việc HĐND - UBND xã Cẩm Hưng                                                                                                  | Số 56a, 27/8/2019            | 944.2           |                                   | 897.0                     |                      | 897.0              |            | 897.0   | 897.0                                     |                   | 897.0                                    |                    |            |        |                   |                               |         |
| 25   | Cải tạo vỉa hè, nền hành lang nhà văn hoá, xây dựng tường rào, Nhà xe Tru sở UBND xã Cẩm Hưng                                                       | Số 30a, 28/5/2020            | 482.7           |                                   | 456.0                     |                      | 456.0              |            | 456.0   | 456.0                                     |                   | 456.0                                    |                    |            |        |                   |                               |         |
| 26   | Nâng cấp đường giao thông trục xã Cẩm Hưng (Giải đoạn 3), đoạn từ ngã ba Đông Lầu - Cầu Mỏ thôn Hộ Vệ và đoạn từ công Trại bom đến đầu thôn Mậu Tân | số 63, ngày 05/7/2022        | 12,734.9        | 7,400.0                           | 4,609.0                   |                      | 4,609.0            |            | 4,609.0 | 4,609.0                                   |                   | 4,609.0                                  |                    |            |        |                   |                               |         |
| 27   | Nâng cấp đường giao thông trục xã Cẩm Hưng (Giải đoạn 2) từ KM1+397.55 thôn Đông Xuyên - KM2+771.15 ngã ba Đông Lầu, thôn Hộ Vệ                     | số 31 ngày 21/01/2021        | 9,538.8         | 7,665.7                           | 1,306.1                   |                      | 1,306.1            |            | 1,306.1 | 1,306.1                                   |                   | 1,306.1                                  |                    |            |        |                   |                               |         |
| 28   | Nâng cấp đường giao thông trục xã Cẩm Hưng (Giải đoạn 1: từ thôn Mậu Duyệt đến thôn Đông Xuyên)                                                     | số 26, ngày 21/5/2020        | 6,889.5         | 6,177.0                           | 288.9                     |                      | 288.9              |            | 288.9   | 288.9                                     |                   | 288.9                                    |                    |            |        |                   |                               |         |
| 29   | Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng trường Tiểu học Cẩm Hưng                                                                                                 | Số 61a, ngày 29/10/2019      | 4,546.2         | 3,730.6                           | 492.5                     |                      | 492.5              |            | 492.5   | 492.5                                     |                   | 492.5                                    |                    |            |        |                   |                               |         |
| 30   | Công trình Trường Mầm Non xã Cẩm Hưng; Hàng mục: Sân nền                                                                                            | số 37a, ngày 06/6/2017       | 958.0           | 750.0                             | 133.0                     |                      | 133.0              |            | 133.0   | 133.0                                     |                   | 133.0                                    |                    |            |        |                   |                               |         |
| 31   | Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng trường Mầm Non Cẩm Hưng                                                                                                  | số 67a, ngày 02/11/2017      | 6,020.9         | 5,200.0                           | 100.1                     |                      | 100.1              |            | 100.1   | 100.1                                     |                   | 100.1                                    |                    |            |        |                   |                               |         |
| 32   | Nhà bia lưu niệm chi bộ Đảng xã Cẩm Hưng                                                                                                            | số 72 ngày 13/11/2023        | 721.7           | 500.0                             | 171.0                     |                      | 171.0              |            | 171.0   | 171.0                                     |                   | 171.0                                    |                    |            |        |                   |                               |         |
| 33   | Các hạng mục phụ trợ Trại y tế xã Cẩm Hưng                                                                                                          | Số 18, ngày 16/3/2022        | 1,853.1         | 700.0                             | 1,132.0                   |                      | 1,132.0            |            | 1,132.0 | 1,132.0                                   |                   | 1,132.0                                  |                    |            |        |                   |                               |         |
| 34   | Cải tạo công trình phụ trợ, xây mới nhà vệ sinh trường THCS Cẩm Hưng                                                                                | số 62a ngày 20/10/2020       | 423.6           | 303.3                             | 84.9                      |                      | -                  |            | 84.9    | 84.9                                      |                   | 84.9                                     |                    |            | -      |                   |                               |         |
| 35   | Sân vận động trung tâm xã                                                                                                                           | số 39 ngày 27/07/2018        | 2,192.8         | 2,000.0                           | 83.5                      |                      | -                  |            | 83.5    | 83.5                                      |                   | 83.5                                     |                    |            | -      |                   |                               |         |



| ST<br>T | Tên Dự án                                                                                                       | Quyết định đầu tư             |                    | Phân bổ vốn NSDP năm 2025                  |         |                      |                       |               |               | KQ Vốn đã PB<br>và giải ngân đến<br>hết T6/2025 | Tăng (+)<br>giảm (-) | Phân bổ vốn NSDP năm 2025 sau điều chỉnh |                      |                       |               | Số KH vốn 2025 chưa thực hiện | Ghi chú |
|---------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|--------------------|--------------------------------------------|---------|----------------------|-----------------------|---------------|---------------|-------------------------------------------------|----------------------|------------------------------------------|----------------------|-----------------------|---------------|-------------------------------|---------|
|         |                                                                                                                 | Số, ngày tháng                | Tổng mức<br>đầu tư | Nguồn đã<br>phân bổ<br>đến hết<br>năm 2024 | Tổng số | Phân chia theo nguồn |                       |               | Nguồn<br>khác |                                                 |                      | Tổng số                                  | Phân chia theo nguồn |                       |               |                               |         |
|         |                                                                                                                 |                               |                    |                                            |         | Ngân sách<br>xã      | NS cấp trên<br>hỗ trợ | Nguồn<br>khác |               |                                                 |                      |                                          | Ngân sách<br>xã      | NS cấp trên<br>hỗ trợ | Nguồn<br>khác |                               |         |
| 36      | Dĩ chuyển, xây dựng đường điện 0,4KV, GPMB cải tạo, nâng cấp đường giao thông trục xã Cẩm Hưng, huyện Cẩm Giang | Số 87, ngày 20/9/2022         | 262,4              | -                                          | 45,7    | 45,7                 | -                     |               | 45,7          |                                                 | 45,7                 | 45,7                                     | -                    |                       |               |                               |         |
| 37      | Nhà làm việc và khám chữa bệnh 2 tầng trạm y tế xã Cẩm Hưng                                                     | Số 61b, ngày 29/10/2019       | 3,790,4            | 1,403,1                                    | 1,000,0 | 1,000,0              | -                     |               | 2,403,1       | 1,160,9                                         | 2,160,9              | 1,419,8                                  | 741,1                |                       | 741,1         | Đã phê duyệt QT               |         |
| II      | DỰ ÁN ĐANG THI CÔNG DỒ ĐANG                                                                                     |                               | 10,837,9           | 5,748,2                                    | 2,698,4 | 285,9                | 2,412,5               | -             | 2,412,5       | 552,2                                           | 3,250,6              | 838,1                                    | 2,412,5              | -                     | -             |                               |         |
| 1       | Nhà đa năng, nhà ăn bán trú và các hạng mục phụ trợ trường Tiểu học Cẩm Hưng                                    | Số 84, ngày 05/9/2022         | 10,837,9           | 5,748,2                                    | 2,698,4 | 285,9                | 2,412,5               |               | 2,412,5       | 552,2                                           | 3,250,6              | 838,1                                    | 2,412,5              |                       |               |                               |         |
| B       | BỘ SUNG VỐN NSDP NĂM 2025                                                                                       |                               | 5,498,9            | 4,150,7                                    | -       | -                    | -                     | -             | -             | 726,0                                           | 726,0                | 726,0                                    | -                    | -                     | -             |                               |         |
| 1       | Cải tạo sân tru sở làm việc HBND-LUBND xã Cẩm Hưng                                                              | 63a, 30/10/2019               | 785,9              | 500,0                                      |         |                      |                       |               |               | 217,6                                           | 217,6                | 217,6                                    |                      |                       |               | Đã phê duyệt QT               |         |
| 2       | Hà tăng kỹ thuật điện dân cư mới số 03 thôn Mậu Duyệt, xã Cẩm Hưng, huyện Cẩm Giang. Hạng mục: San nền          | 89a, 14/12/2017               | 988,8              | 600,0                                      |         |                      |                       |               |               | 105,6                                           | 105,6                | 105,6                                    |                      |                       |               | Đã phê duyệt QT               |         |
| 3       | Dĩ chuyển, xây dựng đường điện 0,4KV, GPMB cải tạo, nâng cấp đường giao thông trục xã Cẩm Hưng, huyện Cẩm Giang | 87, 20/9/2022                 | 262,4              | 45,7                                       |         |                      |                       |               |               | 203,5                                           | 203,5                | 203,5                                    |                      |                       |               | Đã phê duyệt QT               |         |
| 4       | Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nội đồng thôn Mậu Tân, đoạn từ cánh đồng Độc Địa đến cánh đồng Mẫu Hai       | số 40a/QĐ-UBND ngày 02/5/2022 | 866,5              | 750,0                                      |         |                      |                       |               |               | 45,6                                            | 45,6                 | 45,6                                     |                      |                       |               | Chưa phê duyệt QT             |         |
| 5       | Xây dựng đường giao thông nội đồng thôn Hồ Vẻ, xã Cẩm Hưng, đoạn từ Đồng Thù đến cánh đồng Cỏ Cò                | số 21a/QĐ-UBND ngày 01/4/2022 | 867,6              | 780,0                                      |         |                      |                       |               |               | 31,4                                            | 31,4                 | 31,4                                     |                      |                       |               | Chưa phê duyệt QT             |         |
| 6       | Cải tạo, nâng cấp sân trường và các hạng mục phụ trợ trường Tiểu học Cẩm Hưng - huyện Cẩm Giang                 | số 82/QĐ-UBND ngày 19/8/2022  | 895,1              | 750,0                                      |         |                      |                       |               |               | 77,8                                            | 77,8                 | 77,8                                     |                      |                       |               | Chưa phê duyệt QT             |         |
| 7       | Đường giao thông nội đồng thôn Bối Tương (đoạn từ nhà ông Chanh ra sông Bắc Hưng Hải)                           | số 336, 28/10/2021            | 832,6              | 725,0                                      |         |                      |                       |               |               | 44,4                                            | 44,4                 | 44,4                                     |                      |                       |               | Chưa phê duyệt QT             |         |
| C       | VỐN CHƯA CÓ DỰ ÁN BỎ TRÍ VÀ CÁC DỰ ÁN CHƯA ĐỦ ĐIỀU KIỆN BỎ TRÍ VỐN SẾ PHẦN BỎ SAU                               |                               |                    |                                            | 8,850,0 | 8,850,0              |                       |               |               | -1924,84                                        | 6,925,2              | 6,925,2                                  |                      |                       |               |                               |         |





**BIỂU 1. TỜ TRÌNH PHÂN BỐ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN SAU ĐIỀU CHỈNH**  
**GIẢI ĐOẠN 2021-2025 NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH XÃ**  
*(Kèm theo Nghị quyết số 14/NQ-HĐND, ngày 06/8/2025 của Hội đồng nhân dân xã Cẩm Giang)*

Đơn vị tính: Triệu đồng

| STT | <div>Tên Dự án</div>                                                                                    | Quyết định dự án             |                 | Phân bổ vốn NSDP 5 năm 2021-2025 | KQ Vốn đã PB và giải ngân đến hết T6/2025 |                               |          |              |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|-----------------|----------------------------------|-------------------------------------------|-------------------------------|----------|--------------|
|     |                                                                                                         | Số, ngày tháng               | Tổng mức đầu tư |                                  |                                           | Nhu cầu vốn NSDP sau năm 2020 | Trong đó |              |
|     |                                                                                                         |                              |                 |                                  |                                           |                               | Tổng số  | Ngân sách xã |
| 1   | 2                                                                                                       | 3                            | 4               | 5=6+10                           | 6=7+8                                     | 7                             | 8        | 9            |
|     | TỔNG CỘNG                                                                                               |                              | 263,765.5       | 120,903.9                        | 120,903.8                                 | 65,704.5                      | 55,199.4 | 114,428.3    |
| I   | DỰ ÁN ĐÃ HOÀN THÀNH BÀN GIAO ĐƯA VÀO SỬ DỤNG TRƯỚC 31/12/2020                                           |                              | 118,194.9       | 35,456.2                         | 35,456.1                                  | 23,522.3                      | 11,933.9 | 30,162.3     |
| 1   | Cải tạo kênh chứa hoe sau trường THCS Ngọc Liên                                                         | 115/QĐ-UBND ngày 30/10/2018  | 279.6           | 28.0                             | 28.0                                      | 28.0                          | -        | 28.0         |
| 2   | Nâng tầng 2 nhà lớp học trường tiểu học Ngọc Liên                                                       | 4285/QĐ-UBND ngày 26/10/2015 | 2,564.0         | 326.9                            | 326.9                                     | 10.9                          | 316.0    | 326.9        |
| 3   | Nhà lớp học bộ môn 2 tầng 8 phòng trường THCS Ngọc Liên                                                 | 52/QĐ-UBND ngày 08/08/2017   | 7,258.0         | 387.8                            | 387.8                                     | -                             | 387.8    | 387.8        |
| 4   | Cải tạo sân trường THCS Ngọc Liên                                                                       | 38b/QĐ-UBND ngày 08/08/2019  | 639.0           | 19.4                             | 19.4                                      | 19.4                          | -        | 19.4         |
| 5   | Sân trước nhà lớp học 2 tầng 12 phòng trường tiểu học Ngọc Liên                                         | 69/QĐ-UBND ngày 25/06/2018   | 670.6           | 97.9                             | 97.9                                      | 97.9                          | -        | 97.9         |
| 6   | Trường mầm non trung tâm xã GD 2: Xây dựng nhà lớp học 2 tầng 4 phòng                                   | 72a/QĐ-UBND ngày 12/07/2018  | 8,980.4         | 1,615.3                          | 1,615.3                                   | 945.3                         | 670.0    | 1,615.3      |
| 7   | Trường Mầm non trung tâm xã GD 3: xây dựng nhà lớp học 2 tầng 4 phòng và nhà hiệu bộ 2 tầng móng 3 tầng | 112a/QĐ-UBND ngày 26/10/2018 | 9,542.5         | 1,150.7                          | 1,150.7                                   | 383.3                         | 767.4    | 1,150.7      |
| 8   | Hạng mục phụ trợ trường mầm non trung tâm xã Ngọc Liên                                                  | 33/QĐ-UBND ngày 08/07/2019   | 3,110.0         | 294.7                            | 294.7                                     | 45.0                          | 249.6    | 294.7        |
| 9   | Đường giao thông nội đồng xã Ngọc Liên                                                                  | 113/QĐ-UBND ngày 30/10/2018  | 2,505.4         | 7.0                              | 7.0                                       | 7.0                           | -        | 7.0          |
| 10  | Trường mầm non trung tâm xã GD 1: GPMB, san lấp, tường kè và xây dựng nhà lớp học 2 tầng 4 phòng        | 25/QĐ-UBND ngày 09/02/2018   | 17,086.0        | 60.9                             | 60.9                                      | -                             | 60.9     | 60.9         |
| 11  | Nâng tầng 3 nhà hiệu bộ trường mầm non trung tâm xã Ngọc Liên                                           | 32/QĐ-UBND ngày 04/05/2020   | 1,943.0         | 291.6                            | 291.6                                     | -                             | 291.6    | 291.6        |



| STT | Tên Dự án                                                                                             | Quyết định dự án            |                 | Nhu cầu vốn NSDP sau năm 2020 | Phân bổ vốn NSDP 5 năm 2021-2025 |              |                    |         | KQ Vốn đã PB và giải ngân đến hết T6/2025 |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|-----------------|-------------------------------|----------------------------------|--------------|--------------------|---------|-------------------------------------------|
|     |                                                                                                       | Số, ngày tháng              | Tổng mức đầu tư |                               | Tổng số                          | Trong đó     |                    |         |                                           |
|     |                                                                                                       |                             |                 |                               |                                  | Ngân sách xã | Ngân sách cấp trên |         |                                           |
| 12  | Sân đường nội bộ, nhà để xe trường mầm non trung tâm xã Ngọc Liên                                     | 39b/QĐ-UBND ngày 30/06/2020 | 690.1           | 656.3                         | 656.3                            | -            |                    | 656.3   | 656.3                                     |
| 13  | Nhà lớp học 3 tầng 12 phòng trường tiểu học Ngọc Liên                                                 | 51a/QĐ-UBND ngày 22/10/2019 | 7,154.4         | 1,645.0                       | 1,645.0                          | -            |                    | 1,645.0 | 1,645.0                                   |
| 14  | Cải tạo và nâng cấp sân chơi, sân tập, hệ thống thoát nước trường THCS Ngọc Liên                      | 77a/QĐ-UBND ngày 27/10/2017 | 994.1           | 425.4                         | 425.4                            | -            |                    | 425.4   | 425.4                                     |
| 15  | Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng trường Mầm Non Cẩm Hưng                                                    | 67a, 02/11/2017             | 6,020.9         | 5,300.1                       | 5,300.1                          | 5,200.0      |                    | 100.1   | 5,300.1                                   |
| 16  | Nhà làm việc và khám chữa bệnh 2 tầng trạm y tế                                                       | 61b, 29/10/2019             | 3,790.3         | 3,403.1                       | 3,403.1                          | 2,662.0      |                    | 741.1   | 2,242.2                                   |
| 17  | Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng trường Tiểu học Cẩm Hưng                                                   | 61a, 29/10/2019             | 4,546.2         | 4,222.5                       | 4,222.5                          | 3,730.0      |                    | 492.5   | 4,222.5                                   |
| 18  | Hòn non bộ Trụ sở làm việc HDND - UBND xã Cẩm Hưng                                                    | 56a, 28/10/2019             | 944.2           | 897.0                         | 897.0                            |              |                    | 897.0   | 897.0                                     |
| 19  | Cải tạo vỉa hè, nền hành lang nhà văn hoá, xây dựng tường rào, Nhà xe Trụ sở UBND xã Cẩm Hưng         | 30a, 28/5/2020              | 482.7           | 456.0                         | 456.0                            |              |                    | 456.0   | 456.0                                     |
| 20  | Hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư mới số 03 thôn Mậu Duyệt, xã Cẩm Hưng, huyện Cẩm Giàng, hạng mục San nền | 89a, 14/12/2017             | 988.8           | 705.6                         | 705.5                            | 105.5        |                    | 600.0   | 600.0                                     |
| 21  | Cải tạo sân trụ sở làm việc HDND-UBND xã Cẩm Hưng                                                     | 63a, 30/10/2019             | 785.9           | 717.6                         | 717.6                            | 217.6        |                    | 500.0   | 500.0                                     |
| 22  | Sân vận động trung tâm xã                                                                             | số 39 ngày 27/07/2018       | 2,192.8         | 2,083.5                       | 2,083.5                          | 83.5         |                    | 2,000.0 | 2,083.5                                   |
| 23  | Cải tạo công trình phụ trợ, xây mới nhà vệ sinh trường THCS Cẩm Hưng                                  | 62a, ngày 20/10/2020        | 423.6           | 388.2                         | 388.2                            |              |                    | 388.2   | 388.2                                     |
| 24  | Nâng cấp đường giao thông trục xã Cẩm Hưng giai đoạn 1 từ thôn Mậu Duyệt đến thôn Đồng Xuyên          | 26, 21/5/2020               | 7,530.7         | 6,465.9                       | 6,465.9                          | 6,177.0      |                    | 288.9   | 6,465.9                                   |



| STT | Tên Dự án                                                                                             | Quyết định dự án             |                 | Nhu cầu vốn NSDP sau năm 2020 | Phân bổ vốn NSDP 5 năm 2021-2025 |                 |                    |                 | KQ Vốn đã PB và giải ngân đến hết T6/2025 |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|-----------------|-------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------------|-----------------|-------------------------------------------|
|     |                                                                                                       | Số, ngày tháng               | Tổng mức đầu tư |                               | Tổng số                          | Trong đó        |                    |                 |                                           |
|     |                                                                                                       |                              |                 |                               |                                  | Ngân sách xã    | Ngân sách cấp trên |                 |                                           |
|     |                                                                                                       |                              |                 |                               |                                  |                 |                    |                 |                                           |
| 25  | Nhà lớp học 1 tầng 4 phòng, móng 2 tầng trường THCS Cẩm Hưng                                          | 60, 11/9/2017                | 4,309           | 662                           | 662                              | 662.296         |                    |                 |                                           |
| 26  | Nâng tầng 2 Nhà lớp học 1 tầng 4 phòng trường THCS Cẩm Hưng                                           | 15, 30/3/2017                | 1,510           | 415                           | 415                              | 415.042         |                    |                 |                                           |
| 27  | Các hạng mục phụ trợ trường Mầm Non Cẩm Hưng                                                          | 28a, 28/6/2018               | 3,734           | 692                           | 692                              | 691.847         |                    |                 |                                           |
| 28  | Nhà lớp học 1 tầng 4 phòng trường Mầm Non Cẩm Hưng                                                    | 1857, 15/4/2016              | 4,484           | 327                           | 327                              | 327.376         |                    |                 |                                           |
| 29  | Nâng tầng 2 Nhà lớp học 1 tầng 4 phòng trường Mầm Non Cẩm Hưng                                        | 21, 12/4/2017                | 2,809           | 525                           | 525                              | 524.837         |                    |                 |                                           |
| 30  | Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng trường Mầm Non Cẩm Hưng                                                    | 52, 23/8/2017                | 8,495           | 1,005                         | 1,005                            | 1,004.522       |                    |                 |                                           |
| 31  | Cải tạo, nâng cấp sân và các hạng mục phụ trợ trường THCS Cẩm Hưng                                    | 61a, 22/10/2019              | 749             | 100                           | 100                              | 99.977          |                    |                 |                                           |
| 32  | Nhà một cửa liên thông (móng 2 tầng) - UBND xã Cẩm Hưng                                               | 39a, 17/7/2017               | 983             | 84                            | 84                               | 83.960          |                    |                 |                                           |
| II  | <b>DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI VÀ DỰ KIẾN HOÀN THÀNH TRONG GIAI ĐOẠN 2021-2025</b>                            |                              | <b>92,570.6</b> | <b>85,447.7</b>               | <b>85,447.7</b>                  | <b>42,182.3</b> | <b>43,265.5</b>    | <b>84,266.0</b> |                                           |
| 1   | Nhà lớp học 3 tầng 9 phòng và các hạng mục phụ trợ trường mầm non trung tâm xã Ngọc Liên              | 54a/QĐ-UBND ngày 08/03/2021  | 12,481.5        | 11,446.1                      | 11,446.1                         | 2,295.7         | 9,150.4            | 11,446.1        |                                           |
| 2   | Cải tạo sân đường trường tiểu học Ngọc Liên                                                           | 10b/QĐ-UBND ngày 10/02/2021  | 744.9           | 679.0                         | 679.0                            | 578.0           | 101.0              | 679.0           |                                           |
| 3   | Cải tạo, sửa chữa trạm y tế xã Ngọc Liên                                                              | 220/QĐ-UBND ngày 30/10/2023  | 3,470.8         | 3,225.0                       | 3,225.0                          |                 | 3,225.0            | 3,225.0         |                                           |
| 4   | Đường giao thông giáp ao Đồng Môn, thôn Bình Phiên                                                    | 145/QĐ-UBND ngày 08/08/2023  | 735.8           | 722.1                         | 722.1                            | -               | 722.1              | 722.1           |                                           |
| 5   | Cải tạo sân vận động trung tâm xã Ngọc Liên.                                                          | 453a/QĐ-UBND ngày 16/11/2022 | 996.7           | 951.0                         | 951.0                            | -               | 951.0              | 951.0           |                                           |
| 6   | Cải tạo, nâng cấp nghĩa trang liệt sỹ xã Ngọc Liên                                                    | 42/QĐ-UBND ngày 15/07/2024   | 4,999.0         | 4,941.4                       | 4,941.4                          | 2,004.4         | 2,937.0            | 4,714.5         |                                           |
| 7   | Đường nội đồng xã Lương Điền                                                                          | Số 232a, 06/12/2022          | 810.0           | 737.8                         | 737.8                            | 221.5           | 516.3              | 737.8           |                                           |
| 8   | Cải tạo, sửa chữa đường giao thông nông thôn xã Lương Điền (đoạn từ thôn Đồng Khê đến thôn Bái Dương) | Số 321, 28/10/2021           | 860.0           | 838.4                         | 838.4                            | 786.3           | 52.1               | 838.4           |                                           |



| STT | Tên Dự án                                                                                                                                           | Quyết định dự án                      |                 | Nhu cầu vốn NSDP sau năm 2020 | Phân bổ vốn NSDP 5 năm 2021-2025 |              |                    |         | KQ Vốn đã PB và giải ngân đến hết T6/2025 |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|-----------------|-------------------------------|----------------------------------|--------------|--------------------|---------|-------------------------------------------|
|     |                                                                                                                                                     | Số, ngày tháng                        | Tổng mức đầu tư |                               | Tổng số                          | Trong đó     |                    |         |                                           |
|     |                                                                                                                                                     |                                       |                 |                               |                                  | Ngân sách xã | Ngân sách cấp trên |         |                                           |
| 9   | Nâng cấp đường giao thông nông thôn xã đoạn từ thôn Đồng Khê đi khu dân cư mới Cẩm Điện - Lương Điện.                                               | số 320, 28/10/2021                    | 5,661           | 5,270                         | 5,270.5                          | 2,857        | 2,413              | 5270.5  |                                           |
| 10  | Các hạng mục phụ trợ Trường mầm non xã Lương Điện (Khu số 1)                                                                                        | số 338a-16/11/2021 số 348 - 6/12/2021 | 551             | 537                           | 536.8                            | 207.800      | 329                | 536.8   |                                           |
| 11  | Nâng tầng 3 nhà làm việc Đảng ủy - HĐND - UBND xã Lương Điện                                                                                        | số 37, 29/4/2022                      | 3,560           | 3,271                         | 3,270.9                          | 2,470.954    | 800                | 3270.9  |                                           |
| 12  | Cải tạo đường giao thông xã từ thôn Bối Tương đi Mậu An, xã Lương Điện                                                                              | số 111a, 24/6/2022                    | 997             | 964                           | 964.4                            | 964.400      |                    | 964.4   |                                           |
| 13  | Cải tạo đường giao thông từ Trạm bơm Lương Xá đến cầu Xi phông Đồng Khê xã Lương Điện                                                               | số 234, 07/12/2022                    | 994             | 933                           | 932.5                            | 932.5        |                    | 932.5   |                                           |
| 14  | Nhà Đa năng trường tiểu học Lương Điện                                                                                                              | số 128, 21/7/2022                     | 6,144           | 5,675                         | 5,675.4                          | 975.400      | 4,700              | 5675.4  |                                           |
| 15  | Nhà hiệu bộ và các phòng chức năng 3 tầng trường tiểu học Lương Điện                                                                                | số 63a-24/3/2021, số 343-25/11/2021   | 8,992           | 8,527                         | 8,526.9                          | 3,964.200    | 4,563              | 8526.9  |                                           |
| 16  | Cải tạo mái nhà lớp học 2 tầng 8 phòng Trường tiểu học Lương Điện                                                                                   | số 146, 16/8/2022                     | 225             | 218                           | 217.7                            | 97.700       | 120                | 217.7   |                                           |
| 17  | Xây dựng tường rào Trường tiểu học Lương Điện                                                                                                       | số 128, 06/7/2021                     | 939             | 872                           | 871.7                            | 612.656      | 259                | 871.7   |                                           |
| 18  | Đường giao thông nội đồng thôn Bối Tương (đoạn từ nhà ông Chanh ra sông Bắc Hưng Hải)                                                               | số 336, 28/10/2021                    | 833             | 833                           | 833                              | 107.578      | 725                | 788.2   |                                           |
| 19  | Cải tạo, nâng cấp sân trường và các hạng mục phụ trợ trường Tiểu học Cẩm Hưng                                                                       | 82, 19/8/2022                         | 895             | 778                           | 778                              | 77.800       | 700                | 700.0   |                                           |
| 20  | Nâng cấp đường giao thông trục xã Cẩm Hưng (Giai đoạn 2) từ KM1+397.55 thôn Đồng Xuyên - KM2+771,15 ngã ba Đồng Lậu, thôn Hộ Vệ.                    | 31, 21/10/2021                        | 9,539           | 8,972                         | 8,972                            | 7,665.700    | 1,306              | 8971.8  |                                           |
| 21  | Nâng cấp đường giao thông trục xã Cẩm Hưng (Giai đoạn 3), đoạn từ ngã ba Đồng Lậu - Cầu Mỏ thôn Hộ Vệ và đoạn từ cống Trạm bơm đến đầu thôn Mậu Tân | 63, 05/7/2022                         | 12,735          | 12,009                        | 12,009                           | 7,400.000    | 4,609              | 12009.0 |                                           |



| STT | Tên Dự án                                                                                                              | Quyết định dự án |                 | Nhu cầu vốn NSDP sau năm 2020 | Phân bổ vốn NSDP 5 năm 2021-2025 |              |                    | KQ Vốn đã PB và giải ngân đến hết T6/2025 |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|-----------------|-------------------------------|----------------------------------|--------------|--------------------|-------------------------------------------|
|     |                                                                                                                        | Số, ngày tháng   | Tổng mức đầu tư |                               | Tổng số                          | Trong đó     |                    |                                           |
|     |                                                                                                                        |                  |                 |                               |                                  | Ngân sách xã | Ngân sách cấp trên |                                           |
| 22  | Dì chuyên, xây dựng đường điện 0,4kv, GPMB cải tạo, nâng cấp đường giao thông trục xã Cẩm Hưng, huyện Cẩm Giàng        | 87, 20/9/2022    | 262             | 249                           | 249                              | 203.500      | 46                 | 45.7                                      |
| 23  | Các hạng mục phụ trợ Trạm y tế xã Cẩm Hưng                                                                             | 18, 16/3/2022    | 1,853           | 1,832                         | 1,832                            | 700.000      | 1,132              | 1832.0                                    |
| 24  | Nhà bia lưu niệm chi bộ Đảng xã Cẩm Hưng                                                                               | 72, 13/11/2023   | 722             | 671                           | 671                              |              | 671                | 671.0                                     |
| 25  | Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nội đồng thôn Hộ Vệ, xã Cẩm Hưng; đoạn từ Đồng Thù đến cánh đồng Cổ Cò              | 21a, 01/4/2022   | 868             | 811                           | 811                              | 31.400       | 780                | 780.0                                     |
| 26  | Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nội đồng thôn Mậu Tân, xã Cẩm Hưng; đoạn từ cánh đồng Độc Địa đến cánh đồng Mẫu Hai | 40a, 02/5/2022   | 866             | 796                           | 796                              | 750.000      | 46                 | 750.0                                     |
| 27  | Nhà đa năng, nhà ăn bán trú và các hạng mục phụ trợ xã Cẩm Hưng                                                        | 84, 05/9/2022    | 10,838          | 8,690                         | 8,690                            | 6,277.400    | 2,413              | 8137.7                                    |
| III | DỰ ÁN CHƯA THỰC HIỆN (CHƯA ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐỂ BỎ TRÍ VỐN)                                                                 |                  | 53,000.0        | -                             | -                                | -            | -                  | -                                         |
| 1   | Đường giao thông nội đồng xã Ngọc Liên                                                                                 |                  | 6,000           |                               |                                  |              |                    |                                           |
| 2   | Xây dựng ô ù rác các thôn (Bối tương, Đồng Giao, Bến Đông Giao, Đồng Khê, Lương Xá, An Lại, Bái Dương, Bình Long)      |                  | 1,000.0         |                               |                                  |              | -                  |                                           |
| 3   | Nhà lớp học 3 tầng 9 phòng trường tiểu học Ngọc Liên                                                                   |                  | 10,000          |                               |                                  |              |                    |                                           |
| 4   | Nâng cấp và cải tạo đường giao thông nông thôn xã Ngọc Liên                                                            |                  | 5,000           |                               |                                  |              |                    |                                           |
| 5   | Quy hoạch, GPMB, san lấp, xây kè, tường rào mở rộng khuôn viên trường tiểu học Ngọc Liên                               |                  | 4,500           |                               |                                  |              |                    |                                           |
| 6   | Nhà lớp học 3 tầng 9 phòng trường THCS Ngọc Liên                                                                       |                  | 10,000          |                               |                                  |              |                    |                                           |



| STT | Tên Dự án                                                                            | Quyết định dự án |                 | Nhu cầu vốn NSDP sau năm 2020 | Phân bổ vốn NSDP 5 năm 2021-2025 |                    |  | KQ Vốn đã PB và giải ngân đến hết T6/2025 |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------|------------------|-----------------|-------------------------------|----------------------------------|--------------------|--|-------------------------------------------|
|     |                                                                                      | Số, ngày tháng   | Tổng mức đầu tư |                               | Tổng số                          | Trong đó           |  |                                           |
|     |                                                                                      |                  |                 |                               | Ngân sách xã                     | Ngân sách cấp trên |  |                                           |
| 7   | Nhà hiệu bộ và khối hành chính quản trị trường THCS Ngọc Liên                        |                  | 10,500          |                               |                                  |                    |  |                                           |
| 8   | Quy hoạch, GPMB, san lấp, xây kè, tường rào mở rộng khuôn viên trường THCS Ngọc Liên |                  | 6000            |                               |                                  |                    |  |                                           |

TRƯỜNG THPT HẢI LAM

